

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÓC SƠN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 12/7/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Phi**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Duy Tuyên**

2. Ông **Dương Văn Xuyên**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thu Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà **Đỗ Thị Mai Xiêm**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 270/2021/TLST-HNG ngày 08 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Hương Gi**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Số nhà X khu S H, thị trấn N D, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn – có mặt

Bị đơn: **Anh Nguyễn Đức T**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn D Th, xã T D, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội – có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 07/5/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hương Gi trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Đức T lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2019 tại UBND xã T D, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống riêng ở N D, Lộc Bình, Lạng Sơn khoảng 3 tháng thì anh T về Sóc Sơn ở còn chị làm việc và ở N D đến khi chị đẻ con thì về Sóc Sơn ở cùng anh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn tới vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ cuối tháng 8 năm 2020 đến nay, không quan tâm chăm sóc gì nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị B A, sinh ngày 24/10/2019. Kể khi sống ly thân con ở với chị tại nhà bố mẹ đẻ chị. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không quan tâm gì nhau, anh T không cấp dưỡng gì cho con. Ly hôn chị đề nghị nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang là lao động tự do, thu nhập trung bình 5.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng đủ để tự nuôi con.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn, anh Nguyễn Đức T trình bày:**

- Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị Hương Gi lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2019 tại UBND xã T D, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau khi lấy nhau vợ chồng ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng tháng 11 năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong suy nghĩ và cuộc sống gia đình. Từ tháng 01 năm 2021 anh chị sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh vẫn thường xuyên đến

thăm con nhưng gia đình chị Gi ngăn cản không cho anh thăm cháu. Chị Gi xin ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị Gi và hiện nay con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Nếu chị Gi kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý với điều kiện chị Gi cho anh được nuôi con.

- Về con chung: Anh và chị Gi có 01 con chung là Nguyễn Thị B A sinh ngày 24/10/2019. Hiện nay cháu đang ở nhà bố mẹ đẻ chị Gi. Ly hôn anh đề nghị nuôi con, không yêu cầu chị Gi cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh kinh doanh tự do, thu nhập trung bình khoảng 50.000.000đ/tháng. Bản thân chị Gi thường xuyên đi làm xa nhà, không trực tiếp chăm lo cho con.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Gi, cho chị Gi được ly hôn anh T; Về con chung: giao con chung cho là Nguyễn Thị B A cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Gi phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn Đức T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn D Th, xã T D, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Hương Gi và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T D, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ngày 22/8/2019. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chị Gi, anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt gia đình nên dẫn tới cãi nhau. Chị Gi xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, từ tháng 11 năm 2020 vợ chồng sống ly thân, nếu chị Gi kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với điều kiện anh được nuôi con. Bản thân anh T cũng không có biện pháp, không có thái độ tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Gi, anh T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020, không quan tâm, chăm sóc gì nhau chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Gi là hoàn T phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Gi, anh T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Thị B A sinh ngày 24/10/2019. Ly hôn, hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị Gi, anh T đều có chỗ ở ổn định, là lao động tự do, không có tài liệu chứng minh thu nhập, theo lời khai thì chị Gi thu nhập trung bình là 5.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng, anh T có thu nhập trung bình 50.000.000đ/tháng. Nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, tuy nhiên cháu B A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định: “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Từ khi chị Gi, anh T sống ly thân, cháu B A do chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng, mẹ chị Gi có đơn xác nhận tạo điều kiện về chỗ ở lâu dài cho hai mẹ con chị Gi. Do đó việc giao cháu A cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Gi, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Chị Gi, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Gi phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 146, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**Xử:**

1. Chị Nguyễn Thị Hương Gi được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Gi, anh T có 01 con chung là Nguyễn B A sinh ngày 24/10/2019. Giao cháu Nguyễn B A cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của tòa án.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Gi phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo biên lai số 0004157 ngày 04/6/2021.

Chị Gi, anh T có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Phi**